

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2019
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mai Hương.
2. Bà Đoàn Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 491/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bé Th, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. “Có mặt”

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn Y, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Bé Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Bé Th và ông Nguyễn Tấn Y kết hôn năm 2000, trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Bình, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi ngày 14/9/2000. Sau khi kết hôn vợ, chồng về sống bên nhà chồng khoảng 01 tháng thì chuyển vào xã C,

huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sinh sống cho đến nay. Vợ, chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, bà Th phải vay tiền lo cho gia đình nhưng ông Y không đồng ý cùng bà Th trả nợ và ông Y thường xuyên nhậu xay về nhà gây gỗ đánh đập vợ con. Từ đầu năm 2016 đến nay hai bên đã sống ly thân, mặc dù vẫn ở chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay bà Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Y.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Lê Thị Bé Th và ông Nguyễn Tấn Y có 04 người con chung là Nguyễn Thị Thi T, sinh ngày 01/10/2001; Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 22/7/2003; Nguyễn Lê Tấn Ch, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Lê M, sinh ngày 01/01/2015. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung và yêu cầu ông Y phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung với mức 1.000.000đ/tháng cho đến khi mỗi người con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Nguyễn Tấn Y vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 491/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kèm theo giấy triệu tập ông Y đến Tòa án để làm việc, nhưng ông Y đều vắng mặt không có lý do và không có bất cứ văn bản nào gửi cho Tòa án nêu ý kiến về nội dung vụ án, vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về thời hạn thụ lý vụ án chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy không ảnh hưởng tới nội dung vụ án nhưng Tòa án cần rút kinh nghiệm.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện D nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Tấn Y có nơi cư trú tại xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về việc vắng mặt của đương sự:* Ông Nguyễn Tấn Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 09/01/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai ngày 30/01/2019, ông Nguyễn Tấn Y vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn Y theo luật định.

[3]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01, ngày 14/9/2000 của Ủy ban nhân dân xã Trà Bình, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi, xác định hôn nhân giữa bà Lê Thị Bé Th và ông Nguyễn Tấn Y là hợp pháp. Vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống. Hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay, không còn phụ thuộc nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Bà Th xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Y không còn, hôn nhân không hạnh phúc và đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Y. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà Th và ông Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Th được ly hôn ông Y theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:*

Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà Lê Thị Bé Th thấy rằng: Hiện nay các cháu Nguyễn Thị Thi T; Nguyễn Thị Thảo L; Nguyễn Lê Tấn Ch và Nguyễn Lê M đang sống với bà Th và ông Y; nhưng các cháu T, L và Ch có nguyện vọng được ở với bà Th khi bà Th và ông Y ly hôn; đối với cháu M thì còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, giao các cháu T; L; Ch và M cho bà Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Lê Thị Bé Th là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc ông Nguyễn Tấn Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng đối với các cháu Nguyễn Thị Thi T; Nguyễn Thị Thảo L; Nguyễn Lê Tấn Ch và Nguyễn Lê M, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

[5]. *Về tài sản và nợ chung:* Bà Lê Thị Bé Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Lê Thị Bé Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông Nguyễn Tấn Y phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị Bé Th được ly hôn ông Nguyễn Tấn Y.

2. *Về con chung*: Giao các cháu Nguyễn Thị Thi T, sinh ngày 01/10/2001; Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 22/7/2003; Nguyễn Lê Tấn Ch, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Lê M, sinh ngày 01/01/2015 cho bà Lê Thị Bé Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Tấn Y phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho các cháu Nguyễn Thị Thi T; Nguyễn Thị Thảo L; Nguyễn Lê Tấn Ch và Nguyễn Lê M mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Thi T; Nguyễn Thị Thảo L; Nguyễn Lê Tấn Ch và Nguyễn Lê M đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Tấn Y có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Lê Thị Bé Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002976 ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Lê Thị Bé Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Tấn Y phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6. *Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án*:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Trà Bình, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy